TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHƯỚC LONG** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:……/2020/DS-ST
Ngày 11/12/2020
V/v Tranh chấp đòi lại tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG, TỈNH BẠC LIÊU

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Quách Thanh T

Các Hội thẩm nhân dân:

1/. Ông Trần Văn P;

2/. Bà Nguyễn Hồng L.

- *Thư ký phiên toà:* Ông Danh Văn A – Thư ký Toà án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa*: Bà Đoàn Vũ L – Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 125/2020/TLST-DS ngày 25/5/2020 về"*Tranh chấp hợp đòi lại tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 170/2020/QĐXX-ST ngày 28 tháng 9 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 136/2020/QĐST-DS ngày 03/11/2020 và Thông báo dời ngày xét xử giữa các đương sự:

1/. Nguyên đơn: Bà Đ, sinh năm 1924.

Địa chỉ: ấp 9B, xã Phong Thạnh Tây B, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

2/. Bị đơn: Bà P, sinh năm 1962.

Địa chỉ: ấp 9B, xã Phong Thạnh Tây B, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

(Bà Đ có mặt, bà P vắng mặt lần 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Đ trình bày: Bà P là con ruột của bà Đ, vào năm 2018 (âm lịch) khi bà về ở chung nhà với bà P thì bà Đ có gửi cho bà P cất giữ số tiền 40.000.000 đồng, mục đích bà Đ gửi tiền cho bà P là để bà P lo hậu sự khi bà Đ mất. Vì là chỗ mẹ con ruột với nhau nên khi bà gửi cho bà P số tiền trên thì giữa hai bên không có làm giấy tờ. Tuy nhiên, bà Đ chỉ sống với bà P đến năm 2019, bà không thể ở chung cùng với gia đình của bà P Đ nữa nên bà yêu cầu bà P trả lại số tiền trên cho bà để bà dưỡng già sau này nhưng bà P không trả lại. Nay bà Đ yêu cầu cá nhân bà P trả lại cho bà số tiền 40.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bị đơn bà P có lời khai xác định: Vào khoảng năm 2018 âm lịch, bà Đ là mẹ ruột của bà có về sống chung với gia đình bà, khi về ở nhà bà thì bà Đ có gửi cho bà P số tiền 40.000.000 đồng, mục đích gửi tiền là để lo lắng cho bà Đ sau này. Từ năm 2019 âm lịch đến nay, thì bà Đ không còn sống chung với gia đình của bà nữa. Khi bà Đ về sống chung, bà P có dung số tiền 40.000.000 đồng này để xây dựng cho bà Đ một căn phòng và gắn máy lạnh để cho bà Đ ở thoải mái hơn, việc bà P lấy số tiền 40.000.000 đồng của bà Đ xây phòng, gắn máy lạnh không có hỏi ý kiến của bà Đ. Nay bà Đ yêu cầu bà P trả số tiền 40.000.000 đồng thì bà P không đồng ý, vì bà P đã sử dụng hết số tiền để xây phòng và gắn máy lạnh.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Về thủ tục tố tụng, quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng về bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đ. Buộc bà P có nghĩa vụ trả cho bà Đ số tiền 40.000.000 đồng. Về án phí buộc bà P phải chịu số tiền 2.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Đ xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Đ có đơn khởi kiện đòi bà P trả tiền. Bà P có địa chỉ cư trú ấp 9B, xã Phong Thạnh Tây B, huyện Phước Long. Căn cứ vào Điều 26, 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Phước Long. Bà P vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, nên việc xét xử vắng mặt bà P là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Theo đơn khởi kiện, lời khai bà Đ xác định, năm 2018 bà có gửi con gái bà tên P số tiền 40.000.000 đồng với mục đích để sau này bà P lo cho bà khi về già, nay bà không thể ở chung với bà P Đ nữa nên bà yêu cầu bà P trả cho bà số tiền 40.000.000 đồng. Bà P có lời khai thừa nhận, năm 2018 bà Đ có về sống chung với bà, có gửi bà số tiền 40.000.000 đồng, từ năm 2019 đến nay bà Đ không còn sống chung với bà, khi về sống chung bà P lấy số tiền 40.000.000 đồng này xây 01 căn phòng và gắn máy lạnh nhưng không có hỏi ý kiến bà Đ, nay bà P không đồng ý với yêu cầu của bà Đ.

[3] Như vậy, cả bà Đ và bà P đều thừa nhận, năm 2018 bà Đ có gửi cho bà P số tiền 40.000.000 đồng, mục đích bà Đ gửi là để lo cho bà Đ khi về già, lời thừa nhận của bà Đ, bà P là những tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Bà P xác định bà có dùng số tiền 40.000.000 đồng để xây dựng căn phòng, gắn máy lạnh nhưng không có hỏi ý kiến của bà Đ, sử dụng tiền không đúng mục đích gửi tiền và không theo ý chí của bà Đ; bà P chỉ có quyền quản lý tài sản mà bà P gửi nhưng đã tự ý định đoạt tài sản mà bà Đ gửi là không đúng quy định của pháp luật. Vã lại, hiện tại, bà Đ không còn ở chung với bà P, căn phòng này và máy lạnh hiện tại bà P vẫn đang quản lý, sử dụng.

[5] Từ nhận định nêu trên, có đủ căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Đ đòi bà P trả số tiền 40.000.000 đồng.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc bà P phải chịu số tiền 2.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39 và điểm b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 280 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết *số* 326/2016/UBTVQH14 *ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng áp phí và lệ phí Tòa án.*

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Đ đòi bà P trả số tiền 40.000.000 đ (Bốn mươi triệu đồng).

Buộc bà P có nghĩa vụ trả cho bà Đ số tiền 40.000.000 đ (Bốn mươi triệu đồng).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định Đ thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người Đ thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án Đ thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc bà P phải nộp số tiền 2.000.000 đ (Hai triệu đồng) tại Chi cục thi hành án dân huyện huyện Phước Long. Bà Đ là người cao tuổi, có đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí và án phí nên căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều

12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng áp phí và lệ phí Tòa án, bà Đ không có tạm ứng án phí nên không Đ hoàn lại án phí.

Án xử sơ thẩm công khai các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận Đ bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nôi nhan
-TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Phöôc Long;
- Chi cục THADS huyện Phöôc Long;
- Các ñöông söï;
- Löu.

Quách Thanh Tồn

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHƯỚC LONG
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:……/2020/DS-ST
Ngày 11/12/2020

V/v Tranh chấp đòi lại
tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG, TỈNH BẠC LIÊU

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Quách Thanh Tồn

Các Hội thẩm nhân dân:

1/. Ông Trần Văn Phước;

2/. Bà Nguyễn Hồng Lành.

- *Thư ký phiên toà:* Ông Danh Văn An – Thư ký Toà án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa*: Bà Đoàn Vũ Loan – Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 125/2020/TLST-DS ngày 25/5/2020 về *"Tranh chấp hợp đòi lại tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 170/2020/QĐXX-ST ngày 28 tháng 9 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 136/2020/QĐST-DS ngày 03/11/2020 và Thông báo dời ngày xét xử giữa các đương sự:

1/. Nguyên đơn: Bà Đ, sinh năm 1924.

Địa chỉ: ấp 9B, xã Phong Thạnh Tây B, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

2/. Bị đơn: Bà P, sinh năm 1962.

Địa chỉ: ấp 9B, xã Phong Thạnh Tây B, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

(Bà Đ có mặt, bà P vắng mặt lần 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Đ trình bày: Bà P là con ruột của bà Đ, vào năm 2018 (âm lịch) khi bà về ở chung nhà với bà P thì bà Đ có gửi cho bà P cất giữ số tiền 40.000.000 đồng, mục đích bà Đ gửi tiền cho bà P là để bà P lo hậu sự khi bà Đ mất. Vì là chỗ mẹ con ruột với nhau nên khi bà gửi cho bà P số tiền trên thì giữa hai bên không có làm giấy tờ. Tuy nhiên, bà Đ chỉ sống với bà P đến năm 2019, bà không thể ở chung cùng với gia đình của bà P Đ nữa nên bà yêu cầu bà P trả lại số tiền trên cho bà để bà dưỡng già sau này nhưng bà P

không trả lại. Nay bà Đ yêu cầu cá nhân bà P trả lại cho bà số tiền 40.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bị đơn bà P có lời khai xác định: Vào khoảng năm 2018 âm lịch, bà Đ là mẹ ruột của bà có về sống chung với gia đình bà, khi về ở nhà bà thì bà Đ có gửi cho bà P số tiền 40.000.000 đồng, mục đích gửi tiền là để lo lắng cho bà Đ sau này. Từ năm 2019 âm lịch đến nay, thì bà Đ không còn sống chung với gia đình của bà nữa. Khi bà Đ về sống chung, bà P có dung số tiền 40.000.000 đồng này để xây dựng cho bà Đ một căn phòng và gắn máy lạnh để cho bà Đ ở thoải mái hơn, việc bà P lấy số tiền 40.000.000 đồng của bà Đ xây phòng, gắn máy lạnh không có hỏi ý kiến của bà Đ. Nay bà Đ yêu cầu bà P trả số tiền 40.000.000 đồng thì bà P không đồng ý, vì bà P đã sử dụng hết số tiền để xây phòng và gắn máy lạnh.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Về thủ tục tố tụng, quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng về bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đ. Buộc bà P có nghĩa vụ trả cho bà Đ số tiền 40.000.000 đồng. Về án phí buộc bà P phải chịu số tiền 2.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Đ xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Đ có đơn khởi kiện đòi bà P trả tiền. Bà P có địa chỉ cư trú ấp 9B, xã Phong Thạnh Tây B, huyện Phước Long. Căn cứ vào Điều 26, 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Phước Long. Bà P vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, nên việc xét xử vắng mặt bà P là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Theo đơn khởi kiện, lời khai bà Đ xác định, năm 2018 bà có gửi con gái bà tên P số tiền 40.000.000 đồng với mục đích để sau này bà P lo cho bà khi về già, nay bà không thể ở chung với bà P Đ nữa nên bà yêu cầu bà P trả cho bà số tiền 40.000.000 đồng. Bà P có lời khai thừa nhận, năm 2018 bà Đ có về sống chung với bà, có gửi bà số tiền 40.000.000 đồng, từ năm 2019 đến nay bà Đ không còn sống chung với bà, khi về sống chung bà P lấy số tiền 40.000.000 đồng này xây 01 căn phòng và gắn máy lạnh nhưng không có hỏi ý kiến bà Đ, nay bà P không đồng ý với yêu cầu của bà Đ.

[3] Như vậy, cả bà Đ và bà P đều thừa nhận, năm 2018 bà Đ có gửi cho bà P số tiền 40.000.000 đồng, mục đích bà Đ gửi là để lo cho bà Đ khi về già, lời thừa nhận của bà Đ, bà P là những tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Bà P xác định bà có dùng số tiền 40.000.000 đồng để xây dựng căn phòng, gắn máy lạnh nhưng không có hỏi ý kiến của bà Đ, sử dụng tiền không đúng mục đích gửi tiền và không theo ý chí của bà Đ; bà P chỉ có quyền quản lý tài sản mà bà P gửi nhưng đã tự ý định đoạt tài sản mà bà Đ gửi là không đúng quy định của pháp luật. Vã lại, hiện tại, bà Đ không còn ở chung với bà P, căn phòng này và máy lạnh hiện tại bà P vẫn đang quản lý, sử dụng.

[5] Từ nhận định nêu trên, có đủ căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Đ đòi bà P trả số tiền 40.000.000 đồng.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc bà P phải chịu số tiền 2.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39 và điểm b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 280 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 *ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng áp phí và lệ phí Tòa án.*

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Đ đòi bà P trả số tiền 40.000.000 đ (Bốn mươi triệu đồng).

Buộc bà P có nghĩa vụ trả cho bà Đ số tiền 40.000.000 đ (Bốn mươi triệu đồng).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định Đ thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người Đ thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án Đ thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc bà P phải nộp số tiền 2.000.000 đ (Hai triệu đồng) tại Chi cục thi hành án dân huyện huyện Phước Long. Bà Đ là người cao tuổi, có đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí và án phí nên căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng áp phí và lệ phí Tòa án, bà Đ không có tạm ứng án phí nên không Đ hoàn lại án phí.

Án xử sơ thẩm công khai các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận Đ bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Quách Thanh Tồn

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHƯỚC LONG
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 11 tháng 12 năm 2020.

Tại phòng nghị án của Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Quách Thanh Tồn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/.Ông Trần Văn Phước;

2/.Bà Nguyễn Hồng Lành.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 125/2020/TLST – DS ngày 25 tháng 5 năm 2020 về việc: "Tranh chấp đòi lại tài sản" giữa:

1/. Nguyên đơn: Bà Đ, sinh năm 1924.

Địa chỉ: ấp 9B, xã Phong Thạnh Tây B, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

2/. Bị đơn: Bà P, sinh năm 1962.

Địa chỉ: ấp 9B, xã Phong Thạnh Tây B, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã Đ xem xét tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến đề xuất của Kiểm sát viên tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Hội đồng xét xử thống nhất 3/3 về tất cả các vấn đề như sau:

- Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39 và điểm b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 280 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 *ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng áp phí và lệ phí Tòa án.*

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Đ đòi bà P trả số tiền 40.000.000 đ (Bốn mươi triệu đồng).

Buộc bà P có nghĩa vụ trả cho bà Đ số tiền 40.000.000 đ (Bốn mươi triệu đồng).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định Đ thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người Đ thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án Đ thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc bà P phải nộp số tiền 2.000.000 đ (Hai triệu đồng) tại Chi cục thi hành án dân huyện huyện Phước Long. Bà Đ là người cao tuổi, có đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí và án phí nên căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng áp phí và lệ phí Tòa án, bà Đ không có tạm ứng án phí nên không Đ hoàn lại án phí.

Án xử sơ thẩm công khai các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận Đ bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút, ngày 11 tháng 12 năm 2020.

Biên bản nghị án đã Đ đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

HỘI THẨM NHÂN DÂN		THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Nguyễn Hồng Lành	**Trần Văn Phước**	**Quách Thanh Tồn**